



Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

**Báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thông tin về Tổng Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Kinh doanh số

0400101556

ngày 5 tháng 1 năm 2011

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Tổng Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh cuối cùng là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101556 ngày 5 tháng 1 năm 2011. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Văn Phổ
Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Nguyễn Văn Phước
Ông Đào Ngọc Phương
Ông Bùi Nguyên Tiến

Chủ tịch
Thành viên
Thành viên
Thành viên
Thành viên (từ 10/12/2009)

Ban Kiểm soát

Ông Phan Hữu Phú
Bà Nguyễn Thị Phương Mai
Ông Nguyễn Thanh Liêm

Trưởng ban
Thành viên
Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Trần Văn Phổ
Ông Nguyễn Văn Phước
Ông Nguyễn Đức Trị
Ông Trần Đình Thành
Ông Bùi Đình Thành
Ông Nguyễn Văn Hải
Ông Đinh Duy Tường
Ông Nguyễn Văn Cường

Tổng Giám đốc (từ 3/1/2011)
Tổng Giám đốc (đến 3/1/2011)
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc (đến 3/1/2011)
Phó Tổng Giám đốc
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Giám đốc điều hành
Kế toán trưởng

Trụ sở đăng ký

36 Ông Ích Đường
Quận Cẩm Lệ
Thành phố Đà Nẵng
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
16th Floor, Pacific Place
83B Ly Thuong Kiet Street
Hoan Kiem District, Hanoi
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600
Fax + 84 (4) 3946 1601
Internet www.kpmg.com

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ Dệt May Hòa Thọ

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán riêng đính kèm của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ ("Tổng Công ty") tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo, được Ban Giám đốc Tổng công ty phê duyệt phát hành ngày 21 tháng 4 năm 2011. Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính riêng này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính riêng này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với các báo cáo tài chính này trong báo cáo kiểm toán ngày 16 tháng 6 năm 2010.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong các báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

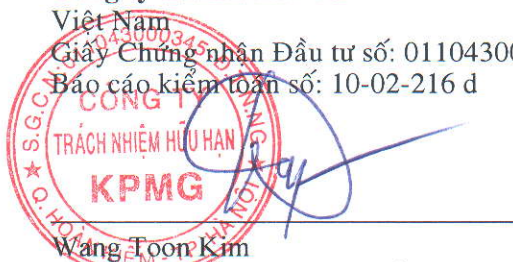
Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính riêng của Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 10-02-216 d



Wang Toon Kim

Chứng chỉ kiểm toán viên số: N.0557/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 21 tháng 4 năm 2011

Lê Việt Hùng

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0296/KTV

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ Điều chỉnh lại
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		309.275.266.529	303.572.751.800
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	5.519.774.518	15.730.054.126
Tiền	111		5.519.774.518	15.730.054.126
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		88.533.324.255	139.593.717.156
Phải thu khách hàng	131		84.605.860.298	120.847.278.293
Trả trước cho người bán	132		2.229.305.238	16.802.329.698
Các khoản phải thu khác	135		1.698.158.719	1.944.109.165
Hàng tồn kho	140	4	206.303.493.791	138.282.055.197
Hàng tồn kho	141		206.392.407.769	139.367.517.726
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(88.913.978)	(1.085.462.529)
Tài sản ngắn hạn khác	150		8.918.673.965	9.966.925.321
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		213.745.472	708.252.125
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		5.943.032.504	7.476.985.942
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		453.598.527	-
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.308.297.462	1.781.687.254
Tài sản dài hạn	200		260.983.031.980	271.061.466.445
Tài sản cố định	220		252.518.786.000	262.283.471.436
Tài sản cố định hữu hình	221	5	245.105.831.641	259.443.102.311
<i>Nguyên giá</i>	222		459.296.151.299	453.823.245.895
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(214.190.319.658)	(194.380.143.584)
Tài sản cố định vô hình	227	6	337.613.404	716.923.373
<i>Nguyên giá</i>	228		1.693.360.183	1.782.300.183
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.355.746.779)	(1.065.376.810)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	7	7.075.340.955	2.123.445.752
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	8	5.838.412.519	4.922.114.335
Đầu tư vào các công ty con	251		2.897.000.000	1.290.000.000
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	252		900.000.000	900.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		3.805.702.000	3.059.702.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(1.764.289.481)	(327.587.665)
Tài sản dài hạn khác	260		2.625.833.461	3.855.880.674
Chi phí trả trước dài hạn	261	9	2.625.833.461	3.855.880.674
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		570.258.298.509	574.634.218.245

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ Điều chỉnh lại
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		432.557.539.808	463.149.325.298
Nợ ngắn hạn	310		310.634.981.917	337.869.748.962
Vay và nợ ngắn hạn	311	10	137.766.415.906	203.843.287.983
Phải trả người bán	312		88.217.272.126	98.335.908.238
Người mua trả tiền trước	313		11.365.902.661	1.539.829.307
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	583.259.668	1.980.331.586
Phải trả người lao động	315		64.121.960.117	22.338.574.837
Chi phí phải trả	316	12	4.072.541.208	4.929.362.304
Các khoản phải trả phải nộp khác	319	13	4.033.577.168	5.311.086.460
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	14	474.053.063	(408.631.753)
Vay và nợ dài hạn	330		121.922.557.891	125.279.576.336
Vay và nợ dài hạn	334	15	120.159.062.896	123.958.222.389
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	16	1.763.494.995	1.321.353.947
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		137.700.758.701	111.484.892.947
Vốn chủ sở hữu	410		137.700.758.701	111.484.892.947
Vốn cổ phần	411	17	96.500.000.000	96.500.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		2.677.312.247	(517.555.991)
Quỹ đầu tư và phát triển	417	18	3.887.770.046	1.933.090.329
Quỹ dự phòng tài chính	418	18	1.411.810.971	796.557.637
Lợi nhuận chưa phân phối	420		33.223.865.437	12.772.800.972
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		570.258.298.509	574.634.218.245

Người lập:

(Chữ ký)

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Người duyệt:

(Chữ ký)

Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

21-04-2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ Điều chỉnh lại
Tổng doanh thu	01	19	1.280.879.324.606	956.136.164.169
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	19	(389.603.443)	(348.511.389)
Doanh thu thuần	10		1.280.489.721.163	955.787.652.780
Giá vốn hàng bán	11		(1.149.295.434.626)	(864.543.539.098)
Lợi nhuận gộp	20		131.194.286.537	91.244.113.682
Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	33.662.001.670	33.532.066.446
Chi phí tài chính	22	21	(62.961.929.977)	(47.035.877.448)
Chi phí bán hàng	24		(28.851.971.013)	(24.400.955.241)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(44.163.317.326)	(40.298.523.135)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		28.879.069.891	13.040.824.304
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31		16.284.753.519	2.758.177.110
Chi phí khác	32		(10.127.351.116)	(1.391.155.620)
Lợi nhuận trước thuế	50		35.036.472.294	14.407.845.794
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	(354.698.903)	(1.635.044.822)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		34.681.773.391	12.772.800.972

Người lập:

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Người duyệt:

Nguyễn Đức Trị

Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

21-04-2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Vốn cổ phần VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009	45.000.000.000	6.933.090.329	796.557.637	-	-	52.729.647.966
Phát hành cổ phiếu	51.500.000.000	-	-	-	-	51.500.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	-	(517.555.991)	-	(517.555.991)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	12.230.708.926	12.230.708.926
Sử dụng các quỹ	-	(5.000.000.000)	-	-	-	(5.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010 - chưa điều chỉnh lại	96.500.000.000	1.933.090.329	796.557.637	(517.555.991)	12.230.708.926	110.942.800.901
<i>Ảnh hưởng của việc điều chỉnh lại các sai sót trong năm trước (Thuyết minh 28)</i>	-	-	-	-	542.092.046	542.092.046
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2010	96.500.000.000	1.933.090.329	796.557.637	(517.555.991)	12.772.800.972	111.484.892.947
Phân bổ vào các quỹ	-	1.954.679.717	615.253.334	-	(2.569.933.051)	(8.580.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 23)	-	-	-	-	(8.580.000.000)	3.194.868.238
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	-	-	3.194.868.238	-	34.681.773.391
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	34.681.773.391	34.681.773.391
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(3.080.775.875)	(3.080.775.875)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010	96.500.000.000	3.887.770.046	1.411.810.971	2.677.312.247	33.223.865.437	137.700.758.701

Người lập:

Nguyễn Văn Cường

Nguyễn Văn Cường

Kế toán trưởng

21-04-2011

Người duyệt:



Nguyễn Đức Trí

Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

	Mã số	Thuyết minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ Điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		35.036.472.294	14.407.845.794
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		48.001.709.614	31.570.219.086
Các khoản dự phòng	03		3.700.690.812	3.729.601.690
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(164.331.884)	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(4.994.961.432)	-
Chi phí lãi vay	06		21.426.978.080	17.705.380.765
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		103.006.557.485	67.413.047.335
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		52.100.092.669	(65.507.764.598)
Biến động hàng tồn kho	10		(67.785.427.590)	2.361.523.685
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		40.005.490.031	41.727.751.746
			127.326.712.595	45.994.558.168
Tiền lãi vay đã trả	13		(21.216.155.738)	(16.145.619.625)
Tiền thuế TNDN đã trả	14		(2.443.342.251)	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(4.403.530.411)	(2.436.471.878)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		99.263.684.195	27.412.466.665
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(45.794.252.327)	(169.949.839.559)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		13.253.573.086	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(2.353.000.000)	(2.590.000.000)
Tiền thu lãi cho vay và cổ tức	27		528.663.707	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(34.365.015.534)	(172.539.839.559)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

	Mã Thuyết số minh	2010 VNĐ	2009 VNĐ Điều chỉnh lại
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	38.749.382.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33	895.832.833.622	920.885.366.954
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(962.341.762.206)	(802.341.146.729)
Tiền chi trả cổ tức	35	(8.580.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40	(75.088.928.584)	157.293.602.225
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(10.190.259.923)	12.166.229.331
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(20.019.685)	-
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	15.730.054.126	3.563.824.795
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70 3	5.519.774.518	15.730.054.126

Người lập:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng



Người duyệt:



Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

21-04-2011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ (“Tổng Công ty”) là một Tổng công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các hoạt động chính của Tổng Công ty sản xuất là kinh doanh, xuất nhập khẩu hàng may mặc, vải, sợi chỉ khâu, các loại thiết bị, nguyên phụ liệu, phụ tùng ngành dệt may.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty có 5.083 nhân viên (31/12/2009: 6.099 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tổng Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau;

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi Tổng Công ty bị lỗ trong năm thì khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu để Tổng Công ty không bị lỗ trong năm. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái ghi nhận trong Tài khoản Chênh Tỷ giá Hối đoái được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng năm năm; và
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc thanh toán các tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(d) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban lãnh đạo cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	10 - 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 - 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 - 10 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 - 5 năm
▪ tài sản khác	2 - 5 năm

(i) Tài sản cố định vô hình

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Giá trị của phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 5 năm.

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí đất trả trước bao gồm các chi phí trả trước cho công cụ dụng cụ. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 2-3 năm.

(l) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

(tiếp theo)

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập bằng 1-3% của tổng quỹ lương được sử dụng làm căn cứ tính Bảo hiểm Xã hội, tuân theo Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(o) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho hàng gia công và được chấp nhận bởi người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

(p) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh.

(q) Các công ty liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các cổ đông và các công ty con và các công ty liên kết của các cổ đông.

(r) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính này.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt	51.308.000	54.630.425
Tiền gửi ngân hàng	5.468.466.518	15.675.423.701
	<hr/>	<hr/>
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.519.774.518	15.730.054.126

Bao gồm trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 có số ngoại tệ xấp xỉ 1.881 triệu VND (31/12/2009: 11.677 triệu VND).

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

4. Hàng tồn kho

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND Điều chỉnh lại
Hàng mua đang đi trên đường	35.084.346.662	26.430.267.533
Nguyên vật liệu	39.318.838.465	34.963.324.612
Công cụ và dụng cụ	94.585.569	86.935.713
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	92.987.246.728	34.306.401.094
Thành phẩm	38.907.390.345	43.473.232.650
Hàng hóa	-	107.356.124
	<hr/> 206.392.407.769	<hr/> 139.367.517.726
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(88.913.978)	(1.085.462.529)
	<hr/> 206.303.493.791	<hr/> 138.282.055.197

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá hàng tồn kho là như sau:

	2010 VND	2009 VND Điều chỉnh lại
Số dư đầu năm	1.085.462.529	466.832.063
Tăng dự phòng trong năm	-	1.085.462.529
Dự phòng sử dụng trong năm	(760.537.547)	(466.832.063)
Hoàn nhập	(236.011.004)	-
	<hr/> 88.913.978	<hr/> 1.085.462.529

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 hàng tồn kho có giá trị sổ sách là 113 tỷ VNĐ (31/12/2009: 64 tỷ VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 (tiếp theo)

5. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	91.520.818.897	327.609.962.829	12.823.335.395	13.292.436.458	8.576.692.316	453.823.245.895
Tăng trong năm	15.540.651.639	7.235.737.758	835.181.818	556.655.160	210.868.636	24.379.095.011
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	513.951.909	13.619.190.986	102.190.000	-	-	14.235.332.895
Thanh lý	(8.991.827.692)	(22.840.718.615)	(445.480.000)	(189.011.148)	(674.485.047)	(33.141.522.502)
Phân loại lại	100.000.000	8.049.488.606	(78.000.000)	(7.922.000.000)	(149.488.606)	-
Số dư cuối năm	98.683.594.753	333.673.661.564	13.237.227.213	5.738.080.470	7.963.587.299	459.296.151.299
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	31.744.400.295	144.693.847.642	8.179.574.858	4.063.827.849	5.698.492.940	194.380.143.584
Khấu hao trong năm	5.749.754.487	35.360.182.757	1.324.172.331	886.388.581	916.608.806	44.237.106.962
Thanh lý	(5.009.262.658)	(18.163.148.966)	(444.366.298)	(150.584.804)	(659.568.162)	(24.426.930.888)
Phân loại lại	-	505.044.154	(78.000.000)	(277.555.548)	(149.488.606)	-
Số dư cuối năm	32.484.892.124	162.395.925.587	8.981.380.891	4.522.076.078	5.806.044.978	214.190.319.658
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	59.776.418.602	182.916.115.187	4.643.760.537	9.228.608.609	2.878.199.376	259.443.102.311
Số dư cuối năm	66.198.702.629	171.277.735.977	4.255.846.322	1.216.004.392	2.157.542.321	245.105.831.641

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản trị giá 75 tỷ VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 (31/12/2009: 76 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 37 tỷ VND (31/12/2009: 118 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
 (tiếp theo)

6. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	1.782.300.183
Thanh lý	(88.940.000)
Số dư cuối năm	<u>1.693.360.183</u>
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	1.065.376.810
Khấu hao trong năm	306.626.221
Thanh lý	(16.256.252)
Số dư cuối năm	<u>1.355.746.779</u>
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	716.923.373
Số dư cuối năm	<u>337.613.404</u>

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 854 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (31/12/2009: 526 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2010 VND	2009 VND
Số dư đầu năm	2.123.445.752	5.023.057.894
Tăng trong năm	19.201.136.053	4.753.112.061
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(14.235.332.895)	(6.497.495.931)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(386.606.433)
Xóa sổ	(13.907.955)	(768.621.839)
Số dư cuối năm	<u>7.075.340.955</u>	<u>2.123.445.752</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
 (tiếp theo)

8. Các khoản đầu tư tài chính

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Các khoản đầu tư dài hạn vào:		
Công ty con:		
▪ Công ty Cổ phần Thời trang Hòa Thọ	1.290.000.000	1.290.000.000
▪ Công ty Cổ phần May Hòa Thọ Quảng Nam (*)	1.607.000.000	-
Công ty liên kết:		
▪ Công ty Cổ phần Kinh doanh Thời trang Vinatex Hòa Thọ	900.000.000	900.000.000
Đầu tư dài hạn khác:		
▪ Công ty Cổ phần Bông miền Trung	855.702.000	855.702.000
▪ Công ty Cổ phần Bao bì Hòa Thọ Quảng Đà	600.000.000	600.000.000
▪ Công ty Cổ phần Dệt may Phú Hoà An	1.600.000.000	1.600.000.000
▪ Công ty Thương mại Chơn	750.000.000	-
▪ Công ty May Hội An	-	4.000.000
	7.602.702.000	5.249.702.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.764.289.481)	(327.587.665)
	5.838.412.519	4.922.114.335

(*) Tổng Công ty nắm giữ 32,14% lợi ích vốn cổ phần tại Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ Quảng Nam. Ban Giám đốc Tổng Công ty đã xem xét các quy định của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con, và phân loại Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ Quảng Nam như là một công ty con trên cơ sở Tập đoàn kiểm soát 54,2% quyền biểu quyết đã được phê duyệt bởi một nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Dệt may Hòa Thọ Quảng Nam ngày 18 tháng 12 năm 2010.

Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư như sau:

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Số dư đầu năm	327.587.665	-
Tăng dự phòng trong năm	1.436.701.816	327.587.665
Số dư cuối năm	1.764.289.481	327.587.665

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
 (tiếp theo)

9. Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VNĐ	Tài sản khác VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư đầu năm	3.240.147.866	615.732.808	3.855.880.674
Tăng trong năm	1.778.418.812	449.510.406	2.227.929.218
Phân bổ trong năm	(2.852.891.344)	(605.085.087)	(3.457.976.431)
Số dư cuối năm	2.165.675.334	460.158.127	2.625.833.461

10. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Vay ngắn hạn	111.090.006.286	175.951.860.815
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 15)	26.676.409.620	27.891.427.168
	137.766.415.906	203.843.287.983

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay:

	Loại tiền	Lãi suất danh nghĩa	Năm đáo hạn	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Ngân hàng Công thương - (a)	USD	4,5%	2011	35.235.555.333	13.676.800.462
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (b)	USD	4,7%	2011	30.983.199.056	20.186.903.783
Ngân hàng Hàng Hải (b)	USD	5%	2011	1.550.720.120	44.962.427.731
HSBC (a)	USD	4,7%	2011	24.967.018.955	8.183.810.114
Ngân hàng Indovina (c)	USD	4,5%	2011	12.859.631.427	15.833.243.238
Ngân hàng Quốc tế - Chi nhánh Đà Nẵng (c)	USD	4,7%	2011	1.304.323.169	43.566.929.351
Ngân hàng Công thương	VNĐ	15,5%	2011	4.139.558.226	-
Vay từ ban liên lạc hưu trí	VNĐ	12%	2011	50.000.000	-
Vay từ nhân viên	USD	0%	2011	-	500.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	VNĐ	8%	2010	-	4.355.962.417
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Quảng Nam	VNĐ	8%	2010	-	3.041.579.045
Ngân hàng Quân đội	VNĐ	7%	2010	-	13.060.263.672
Ngân hàng Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	VNĐ	8%	2010	-	1.780.000.000
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	VNĐ	10%	2010	-	7.303.441.002
				111.090.006.286	175.951.860.815

- a. Khoản vay không được bảo đảm.
- b. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2010 là 25 tỷ VNĐ và hàng tồn kho giá trị ghi sổ là 51 tỷ VNĐ.
- c. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản với giá trị còn lại tại ngày 31/12/2010 là 12 tỷ VNĐ và hàng tồn kho với giá trị là 62 tỷ VNĐ.

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2010 VNĐ	31/12/2009 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	572.533.342	345.286.764
Thuế nhập khẩu	10.726.326	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.635.044.822
	583.259.668	1.980.331.586

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
 (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Chi phí hoạt động	2.464.999.102	4.159.346.138
Chi phí lãi vay	210.822.342	100.067.000
Chi phí khác	1.396.719.764	669.949.166
	<hr/>	<hr/>
	4.072.541.208	4.929.362.304
	<hr/>	<hr/>

13. Phải trả khác

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.013.593.051	1.857.618.484
Bảo hiểm xã hội	748.924.864	678.584.803
Bảo hiểm y tế	54.691.297	63.002.848
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.216.367.956	2.711.880.325
	<hr/>	<hr/>
	4.033.577.168	5.311.086.460
	<hr/>	<hr/>

14. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

	2010	2009
	VND	VND
Số dư đầu năm	(408.631.753)	596.409.094
Phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm	3.080.775.875	-
Khác	147.580.400	-
Sử dụng quỹ trong năm	(2.345.671.459)	(1.005.040.847)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	474.053.063	(408.631.753)
	<hr/>	<hr/>

Số tiền phân bổ từ lợi nhuận chưa phân phối trong năm 2010 chưa được thông quan bởi nghị quyết của Đại hội cổ đông và Quyết định của Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
 (tiếp theo)

15. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Vay dài hạn	146.835.472.516	151.849.649.557
Phải trả trong 12 tháng (Thuyết minh 10)	(26.676.409.620)	(27.891.427.168)
Phải trả sau 12 tháng	120.159.062.896	123.958.222.389

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn còn số dư như sau:

	Đồng tiền	Lãi suất	Đáo hạn	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Khoản vay 1 (a)	VND	7,8% - 9%	2018	84.131.635.988	93.659.635.988
Khoản vay 2 (b)	VND	0%	2014	19.568.386.000	24.468.386.000
Khoản vay 3 (c)	VND	0%	2018	12.204.133.000	-
Khoản vay 4	VND	12% - 18,5%	2015	6.033.455.061	6.787.636.985
Khoản vay 5	USD	7,6%	2015	4.351.255.152	-
Khoản vay 6	VND	15,6%	2012	2.696.185.000	3.896.185.000
Khoản vay 7	USD	9%	2013	2.239.655.600	-
Khoản vay 8	VND	13%	2015	2.214.000.000	-
Khoản vay 9	VND	14%	2014	2.190.000.000	2.750.000.000
Khoản vay 10	USD	8% - 8,2%	2014	1.033.460.016	-
Khoản vay 11	VND	12% - 14,9%	2014	993.110.000	1.200.000.000
Khoản vay 12	VND	13% - 15,6%	2011	884.749.327	2.800.456.135
Khoản vay 13	VND	10,2%	2013	817.000.000	-
Khoản vay 14	VND	6,96% - 16,6%	2011	643.418.851	5.484.845.851
Khoản vay 15	VND	5,2%	2013	465.140.308	-
Khoản vay 16	VND	5,4%	2012	6.369.888.213	9.669.888.213
Khoản vay 17	VND	10,5%	2011	-	1.132.615.385
				146.835.472.516	151.849.649.557

- a. Khoản vay này gồm nhiều lần rút vốn và được bảo đảm bằng tài sản có giá trị còn lại tại ngày 31/12/2010 là 155 tỷ VNĐ. Số tiền gốc của khoản vay được trả đều trong 9 năm với mức trả hàng tháng là 794 triệu VNĐ.
- b. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 của khoản vay này được trả đều trong 4 năm với mức trả hàng tháng là 410 triệu VNĐ cho mỗi tháng từ tháng 1 đến tháng 11 và mức trả 390 triệu VNĐ cho tháng 12 hàng năm.
- c. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 của khoản vay này được trả đều trong 8 năm với mức trả là 762,5 triệu đồng cho mỗi nửa năm.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

16. Dự phòng trợ cấp thôi việc

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.321.353.947	436.233.482
Dự phòng lập trong năm	2.500.000.000	2.316.551.496
Dự phòng sử dụng trong năm	(2.057.858.952)	(1.431.431.031)
	<u>1.763.494.995</u>	<u>1.321.353.947</u>

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Tổng Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã đóng 1.642 triệu VND (2009: 1.113 triệu VND) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

17. Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Tổng Công ty là:

	<u>Được duyệt</u>		<u>Đã góp</u>	
	VND	%	VND	%
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	63.010.230.000	65,29%	63.010.230.000	65,30%
Các đối tượng khác	33.489.770.000	34,71%	33.489.770.000	34,70%
	<u>96.500.000.000</u>	<u>100,00%</u>	<u>96.500.000.000</u>	<u>100,00%</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

	31/12/2010		31/12/2009	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ
Vốn cổ phần được duyệt	9.650.000	96.500.000.000	9.650.000	96.500.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	9.650.000	96.500.000.000	9.650.000	96.500.000.000
	9.650.000	96.500.000.000	9.650.000	96.500.000.000
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	9.650.000	96.500.000.000	9.650.000	96.500.000.000
	9.650.000	96.500.000.000	9.650.000	96.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Tổng Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Tổng Công ty.

18. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư và phát triển

Các quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai được trích lập từ lợi nhuận sau thuế. Trong năm 2010, Tổng Công ty đã chuyển 1.955 triệu VNĐ của lợi nhuận sau thuế năm 2009 đến quỹ đầu tư và phát triển trong mục nguồn vốn.

(ii) Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận giữ lại của doanh nghiệp theo quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
(tiếp theo)

19. Doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Tổng doanh thu	1.280.879.324.606	956.136.164.169
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Giảm giá hàng bán	(88.590.909)	-
▪ Hàng bán bị trả lại	(301.012.534)	(348.511.389)
Doanh thu thuần	<u>1.280.489.721.163</u>	<u>955.787.652.780</u>

20. Doanh thu hoạt động tài chính

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Lãi tiền gửi và cho vay	366.913.511	97.396.700
Cổ tức được chia	161.750.196	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	32.969.006.079	33.434.669.746
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	164.331.884	-
	<u>33.662.001.670</u>	<u>33.532.066.446</u>

21. Chi phí tài chính

	2010	2009
	VNĐ	VNĐ
Chi phí lãi vay	21.426.978.080	17.863.886.197
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	1.436.701.816	327.587.665
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	39.932.296.646	28.792.996.767
Chi phí tài chính khác	165.953.435	51.406.819
	<u>62.961.929.977</u>	<u>47.035.877.448</u>

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
 (tiếp theo)

22. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	354.698.903	1.635.044.822

(b) Đối chiếu thuế suất hiệu quả

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Lợi nhuận trước thuế	35.036.472.294	14.407.845.794
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.503.647.229	1.440.784.579
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng đối với các khoản thu nhập khác	212.819.343	944.887.423
Chi phí không được khấu trừ thuế	70.843.231	184.837.690
Thu nhập được miễn thuế	(16.175.020)	-
Ưu đãi thuế	(3.354.572.833)	(1.045.219.208)
Chênh lệch tạm thời không ghi nhận	(61.863.047)	109.754.338
	354.698.903	1.635.044.822

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm 2007 và 25% cho những năm tiếp theo. Các quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành cho phép Tổng Công ty được miễn thuế thu nhập cho 4 năm từ năm đầu tiên có lợi nhuận (năm 2007 đến 2010) và giảm 50% thuế thu nhập cho 9 năm tiếp theo (2011 đến 2019).

Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác sẽ chịu thuế suất 25%.

23. Cổ tức

Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông của Tổng Công ty vào ngày 19 tháng 4 năm 2010 đã quyết định phân phối khoản cổ tức 12% của vốn điều lệ.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
 (tiếp theo)

24. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	2010 VND	2009 VND	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Tập đoàn Dệt may				
Việt Nam				
Vốn góp	-	40.051.030.000	-	-
Vay trong kỳ	-	10.000.000.000	-	7.303.441.002
Trả các khoản vay trong kỳ	7.303.441.002	6.492.468.998	-	-
Lãi vay trong kỳ	497.584.848	1.227.429.674	-	100.000.000
Công ty Cổ phần Thời				
trang Hòa Thọ				
Bán hàng hóa	980.138.169	532.595.611	4.424.760.031	5.708.139.827
Công ty Cổ phần Dệt may				
Hòa Thọ Quảng Nam				
Mua nguyên vật liệu	29.334.815.549	33.602.975.969	4.889.690.242	-

25. Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	159.093.171.000	240.617.496.000
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	201.269.471	592.053.000
	<u>159.294.440.471</u>	<u>241.209.549.000</u>

26. Tài sản thuần bằng ngoại tệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có các tài sản tiền tệ có gốc ngoại tệ xấp xỉ 3.443.058 USD và nợ tiền tệ phải trả có gốc ngoại tệ xấp xỉ 8.300.881 USD dẫn đến một khoản nợ tiền tệ thuần xấp xỉ 4.857.823 USD không được dự phòng rủi ro hối đoái.

Tổng Công ty Cổ phần Dệt May Hòa Thọ Dệt May Hòa Thọ
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010
 (tiếp theo)

27. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2010 VNĐ	2009 VNĐ
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	846.027.231.675	665.889.281.051
Chi phí nhân công	220.680.748.290	145.559.341.890
Chi phí khấu hao	48.001.709.614	27.952.225.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	145.661.881.693	89.740.745.152

28. Số liệu so sánh

Sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, Ban Giám đốc Tổng Công ty quyết định Điều chỉnh lại số liệu so sánh nhằm sửa lại những sai sót được phát hiện bởi Kiểm toán nhà nước như sau:

(a) Bảng cân đối kế toán

	31/12/2009 (theo báo cáo trước đây) VNĐ	Điều chỉnh lại VNĐ	31/12/2009 (Điều chỉnh lại) VNĐ
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.564.375.443)	478.912.914	(1.085.462.529)
Chi phí trả trước ngắn hạn	584.840.543	123.411.582	708.252.125
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	1.920.099.136	60.232.450	1.980.331.586
Lợi nhuận chưa phân phối	12.230.708.926	542.092.046	12.772.800.972

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2009 (theo báo cáo trước đây) VNĐ	Điều chỉnh lại VNĐ	2009 (Điều chỉnh lại) VNĐ
Giá vốn hàng bán	865.022.452.012	(478.912.914)	864.543.539.098
Chi phí quản lý doanh nghiệp	40.421.934.717	(123.411.582)	40.298.523.135
Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.574.812.372	60.232.450	1.635.044.822
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.822	95	1.917

Người lập:



Nguyễn Văn Cường
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Đức Trị
Tổng Giám đốc

21-04-2011